

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G-BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thụ lý số: 101/2017/HSST  
Ngày: 30/11/2017  
Bản án số: 103/2017/HSST  
Ngày 28 tháng 12 năm 2017

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G  
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: **Ông Nguyễn Văn Phong**  
Các Hội thẩm: **1. Ông Nguyễn Mạnh D**  
**2. Ông Nguyễn Văn Th**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị H – Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn T- Kiểm sát viên

Hôm nay ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 101/2017/HSST ngày 30/11/2017, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2017/HSST- QĐ ngày 11/12/2017, đối với bị cáo :

Nguyễn Văn T, sinh năm 1982; Nơi đăng ký HKTT: thôn Kh, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện tại: Thôn Th, xã T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn lớp: 04/12; Con ông Nguyễn Văn L và bà Bùi Thị Đ; Có vợ là Nguyễn Thị V, sinh năm 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 11/09/2017, cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương khởi tố Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/09/2017 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt.

*- Người bị hại:*

Anh Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1976.

Địa chỉ: P, Q, G, Bắc Ninh. (Vắng mặt).

*- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

Anh Phạm Đạt Ch, sinh năm 1981. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Th, xã T, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Bản cáo trạng số 96/CTr- VKS ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tóm tắt nội dung vụ án như sau:

Hồi 16 giờ 30 phút ngày 06/09/2017, tại khu vực Nhà thi đấu tỉnh Hải Dương, tổ công tác Công an tỉnh Hải Dương tiến hành kiểm tra đối với Nguyễn Văn T, sinh năm 1982 trú tại thôn Kh, xã N, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương do có biểu hiện nghi vấn trộm cắp xe máy. Quá trình làm việc, T khai nhận, trong khoảng thời gian từ cuối năm 2016 đến tháng 5 năm 2017, T đã thực hiện 04 vụ trộm cắp xe máy, trong đó có 01 vụ trộm cắp xe máy tại thôn P, xã Q, huyện G, tỉnh Bắc Ninh, nội dung cụ thể như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 26/11/2017, T một mình đi bộ từ thôn Th, xã T, thành phố Hải Dương ra đường rồi đi nhờ xe của một người đi đường đến bến xe Hải Tân thuộc thành phố Hải Dương rồi bắt xe khách tuyến Hà Nội- Hải Phòng đến khu vực Q, BG, Hải Dương thì xuống xe rồi bắt xe ôm của một người đàn ông không quen biết đến thôn P, xã Q, huyện G để trộm cắp tài sản. Khi đến thôn P, do lúc này trời còn sớm nên T đi bộ ra khu vực cánh đồng thôn P ngồi đợi đến khoảng 02 giờ ngày 27/11/2017, T đi bộ vào trong thôn rồi đi lòng vòng để tìm sơ hở trộm cắp tài sản. Khi T đi qua nhà anh Nguyễn Văn Kh thì thấy tại gian lán nhà anh Kh có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 99H1- 000.47. Quan sát thấy cửa cổng nhà anh Kh khóa bằng khóa dây, có khe rộng có thể lách người qua được nên T đã lách người qua cổng để vào trong. Khi T lách người vào thì khóa dây bung ra nên T đã mở cổng vào trong sân, T thấy cửa nhà mở, trong nhà có ánh đèn ngủ, tại bàn uống nước có để 01 chùm chìa khóa trong đó có khóa xe mô tô và 01 ví da. T đi vào trong nhà lấy chùm chìa khóa và chiếc ví rồi ra gian lán kiểm tra thì thấy trong ví có 250.000 đồng và 01 đăng ký xe mô tô. T lấy tiền và đăng ký xe rồi vứt lại chiếc ví, sau đó T dắt xe ra cổng, dùng chìa khóa mở khóa điện xe rồi điều khiển xe về thành phố Hải Dương. Buổi chiều cùng ngày, T đem chiếc xe cầm cố cho anh Phạm Đạt Ch, sinh năm 1981 ở cùng thôn với T với giá 7.000.000 đồng. Khi cầm cố xe, anh Ch không biết chiếc xe trên là do T trộm cắp mà có.

Ngày 06/9/2017, anh Ch đã tự giác giao nộp cho cơ quan Điều tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 99H1- 000.47 để giải quyết theo quy định của Pháp luật, ngày 03/10/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện C, tỉnh Hải Dương đã

bàn giao chiếc xe trên cho cơ quan CSĐT Công an huyện G để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 10/10/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện G ra quyết định trưng cầu định giá tài sản số 30 yêu cầu định giá đối với chiếc xe nêu trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 28 ngày 15/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện G kết luận: Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô Airblade màu đen bạc, vành đúc, phanh đĩa, số máy 0588960, số khung: 565556 là 20.667.000 đồng (Hai mươi triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn đồng chẵn).

Ngày 06/11/2017, cơ quan CSĐT Công an huyện G đã trả lại cho anh Kh chiếc xe cùng đăng ký xe nêu trên. Anh Kh đã nhận lại đầy đủ. Về trách nhiệm dân sự, anh Kh không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm, đối với số tiền 250.000 đồng T trộm cắp của anh, anh cũng không yêu cầu T phải bồi thường, do vậy không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyễn Văn T thừa nhận ngày 27/12/2016 bị cáo đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS: 99H1- 000.47 trên địa bàn thôn P, xã Q. Kết luận của Hội đồng định giá về giá trị chiếc xe trộm cắp là 20.667.000đ bị cáo nhất trí không có ý kiến gì.

T thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G phân tích lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác. Do vậy có đủ cơ sở xác định Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử T bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng điểm khoản 1 Điều 138; điểm p, o khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn T từ 12 đến 18 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi nghe bản luận tội bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

*Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Viện kiểm sát, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;*

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, tang vật của vụ án cùng các chứng cứ, tài liệu khác. Do vậy, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 27/12/2016, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade BKS 99H1- 000.47 trị giá 20.667.000 đồng và số tiền 250.000 đồng của anh Kh. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Đúng như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được Nhà nước và pháp luật bảo vệ. Lợi dụng sơ hở của người bị hại, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản nhằm thỏa mãn nhu cầu ích kỷ của bản thân. Chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi trộm cắp, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân trên địa bàn. Do vậy, cần thiết phải xử các bị cáo mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo T thì thấy: Ngoài việc thực hiện tội phạm trên địa bàn huyện G, bị cáo khai còn có 03 lần thực hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn khác. Do vậy cần đánh giá T là người có ý thức coi thường pháp luật, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Khi lượng hình HĐXX cũng xem xét cho bị cáo T trước cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay đều có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng. Ngoài ra, đối với hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án này là do bị cáo tự khai nhận khi công an tỉnh Hải Dương tiến hành kiểm tra, bắt giữ bị cáo trong vụ án khác. Do vậy, T được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ là tự thú theo điểm o khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại được tài sản trộm cắp là chiếc xe, đối với số tiền 250.000đ và chiếc ví bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, do vậy, HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với số tiền 7.000.000đ do bị cáo cầm cố tài sản trộm cắp cho anh Ch, tuy nhiên tài liệu trong hồ sơ thể hiện anh Ch không yêu cầu T phải trả lại cho anh số tiền này, nhưng tại phiên tòa anh Ch vắng mặt nên HĐXX không đặt ra xem xét, sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Trong vụ án này anh Phạm Đạt Ch là người có hành vi cầm cố chiếc xe do T trộm cắp được, quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố chiếc xe trên, anh Ch không biết chiếc xe này là do T trộm cắp mà có. Do hành vi cầm cố xảy ra tại thành

phố Hải Dương nên cơ quan CSĐT Công an huyện Gđã chuyển toàn bộ tài liệu liên quan đến cơ quan CSĐT Công an thành phố Hải Dương để xem xét xử lý theo thẩm quyền. HĐXX không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

T bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm p, o khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14:

Xử phạt Nguyễn Văn T 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND huyện G;
- THA huyện G(án có hiệu lực pháp luật);
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán -Chủ tọa phiên toà**

**Đã ký**

**Nguyễn Văn Phong**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH  
\*\*\*\*\***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
\*\*\*\*\***

Số: /2017/TLBA - HSST

*G, ngày 13 tháng 11 năm 2017*

**TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ**

Tại bản án hình sự sơ thẩm số /2017/HSST ngày 13/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh đối với bị cáo:

**Nguyễn Duy Tuấn**, sinh năm: 1994; Nơi đăng ký HKTT: Phương Độ, xã Bình Dương, huyện G, tỉnh Bắc Ninh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Con ông Nguyễn Duy Lương, sinh năm 1967 và bà Trần Thị Lý, sinh năm 1968;

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G  
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH**

T bố bị cáo Nguyễn Duy Tuấn phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm h, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Nguyễn Duy Tuấn 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/7/2017 là ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

Áp dụng Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo Nguyễn Duy Tuấn 45 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm để đảm bảo thi hành án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo.

-Trại tạm giam

- Lưu hồ sơ.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH**

\*\*\*\*\*

Số: /2017/HSST- QĐTG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

\*\*\*\*\*

G, ngày 13 tháng 11 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH TẠM GIAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Phong***

***Các hội thẩm nhân dân :***

**1. Ông Hoàng Đăng Đán**

**2. Bà Trần Thị Lịch**

Căn cứ vào các điều 79, 80, 88 và 228 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào biên bản nghị án ngày 13/11/2017 của Hội đồng xét xử sơ thẩm;

Xét thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Tạm giam bị cáo: **Nguyễn Duy Tuân**, sinh năm: 1994.

Nơi đăng ký HKTT: Phương Độ, xã Bình Dương, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Tự do;

Bị Toà án cấp sơ thẩm xử phạt: 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Thời hạn tạm giam là 45 (*Bốn mươi lăm*) ngày kể từ ngày T án sơ thẩm.

2. Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trại tạm giam công an tỉnh BN;

**TOÀ**

- Viện kiểm sát nhân dân H. G

- Bị cáo;

- Lưu HS

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN**